

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/DDĐV/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG ĐẤT VIỆT**

Địa chỉ: 49/6 đường Tây Bắc Lân, Ấp Bắc Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại:

Fax:

Mã số doanh nghiệp: 0313078491

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 110/2019/ATTP-CNĐK

Ngày Cấp/Nơi cấp: 01/04/2019/Cục An toàn thực phẩm



II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Thực phẩm bổ sung Enaz Pro1**

2. Thành phần: đạm whey, béo thực vật, đường, chất xơ, đạm đậu nành, MCT (medium chain triglycerides), maltodextrin, khoáng chất hỗn hợp (Na, K, Ca, P, Mg, Fe, Zn, Cu, Mn, Mo, Se), hỗn hợp vitamin (A, D, E, C, B₁, B₂, B₃, B₅, B₆, B₁₂, Biotin, Acid Folic), hương vani tổng hợp.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 25 g, 200 g, 400 g, 500 g, 900 g, 1 kg hoặc theo nhu cầu thị trường

- Chất liệu bao bì: lon thiếc.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Công ty tự sản xuất, không thuê cơ sở sản xuất.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất như sau:

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
2	<i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i>	CFU/g	10
3	<i>Listeria monocytogenes</i>	CFU/g	10 ²
4	<i>Salmonella</i>	/25g	Không phát hiện
5	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i> (<i>Staphylococcal enterotoxin</i>)	/25g	Không phát hiện

2. Hàm lượng kim loại nặng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0,02
2	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	0,5
4	Hàm lượng thủy Ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3. Hàm lượng độc tố vi nấm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Quốc Thế

1784

IG T
PH
DINH
VI

PH

VF
VIETFOOD

Enaz
Pro1

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:

Người lớn và trẻ em
trên 3 tuổi.

THỰC PHẨM BỔ SUNG

VF
VIETFOOD

Thực phẩm bổ sung

Enaz
Pro1

150ml nước chín ấm

BẢO QUẢN

Đậy kín nắp sau mỗi lần
sử dụng, để nơi khô ráo,
thoáng mát, không để
trong tủ lạnh, không sử
dụng qua 1 tháng sau khi
mở nắp lon.



Tư vấn dinh dưỡng và sản phẩm
Thực phẩm dinh dưỡng ĐẤT VIỆT
(VIETFOOD)

Tel: (84) 028 39902176
Email: vietfood332@gmail.com



8193612014251211
NSX-HSD xem dưới đáy lon

Sản xuất tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH
DƯỠNG ĐẤT VIỆT**
Địa chỉ: 49/6 đường Tây Bắc Lân, Ấp Bắc Lân, xã
Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

Tel: (84) 028 39902176

Email: vietfood332@gmail.com

<http://thucphamdinhduongdatviet.com>

Xuất xứ: Việt Nam

400 g

Khối lượng tịnh

THÔNG TIN DINH DƯỠNG:

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ
Năng lượng (Kcal/100g)	Kcal/100g	44,3
Protein	%	10,5
Lipid	%	14,3
Carbohydrate	%	68,1
Xoanin (hoa)	%	6,53
Đường	%	3,12
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	171
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	283
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	371
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	52,6
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	7,78
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	19,1
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	265
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	8,84
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	0,44
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	46,7
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	37,6
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	0,19
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	0,83
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	0,30
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	6,36
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	2,45
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	2,03
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	2,11
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	2,20
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	14,6
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	14,4
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	8,32
Năng lượng (Kcal/100g)	mg/100g	0,50

Enaz
Pro1

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

- Pha 1 ly cho 50 g bột (6 muỗng
gạt) vào ly, thêm 150ml nước chín
ấm (50-60 độ C) được 180ml,
cung cấp 222 Kcal và 5,4g đạm
- Uống bổ sung mỗi ngày, uống từ
2-3 ly



THÔNG TIN CẢNH BÁO AN TOÀN

Không sử dụng cho trẻ bị dị ứng với đạm
sữa bò
Trẻ em và người cao tuổi sử dụng khi có sự
hướng dẫn của chuyên gia y tế

THÀNH PHẦN:

Đạm whey, béo thực vật, đường,
chất xơ, đạm đậu nành, MCT
(medium chain triglycerides),
maltodextrin, khoáng chất hỗn
hợp (Na, K, Ca, P, Mg, Fe, Zn,
Cu, Mn, Mo, Se), hỗn hợp
vitamin (A, D, E, C, B1, B2, B3,
B5, B6, B12, Biotin, Acid Folic),
hương vani tổng hợp



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: TSL4220400805-5

Trang/ Page No: 1/3

TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Client's Name** : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG ĐẤT VIỆT
- Địa chỉ/ Client's Address** : 49/6 Đường Tây Bắc Lân, Ấp Bắc Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 08/04/2022
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test** : 08/04/2022
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 13/04/2022
- Thông tin mẫu/ Name of Sample** : THỰC PHẨM BỔ SUNG ENAZ PRO 1
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong bao bì kín
- Ghi chú/ Note** :
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Năng lượng / Calories	443	kcal/100g	-	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
2	LS Đạm tổng (*) / Total protein (*)	10.6	%	-	TS-KT-HCB-001:2018
3	LS Béo tổng (*) / Total fat (*)	14.4	%	-	TS-KT-HCB-002:2018
4	LS Carbohydrate (*) / Carbohydrate (*)	68.1	%	-	TS-KT-HCB-004:2020
5	LS Xơ tiêu hóa (*) / Total dietary fiber (*)	6.04	%	-	TS-KT-HCB-104:2020
6	LS Độ ẩm (*) / Moisture (*)	3.13	%	-	TS-KT-HCB-005:2018
7	LS Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	172	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
8	LS Kali (K) (*) / Potassium (K) (*)	294	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
9	LS Canxi (Ca) (*) / Calcium (Ca) (*)	371	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
10	LS Magie (Mg) (*) / Magnesium (Mg) (*)	92.5	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)



TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4220400805-5

Trang/ Page No: 2/3

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
11	LS Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	7.71	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
12	LS Kẽm (Zn) (*) / Zinc (Zn) (*)	19.2	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
13	LS Mangan (Mn) (*) / Manganese (Mn) (*)	0.85	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
14	LS Đồng (Cu) (*) / Copper (Cu) (*)	0.65	mg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
15	LS Selen (Se) / Selenium (Se)	40.8	µg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
16	LS Molybden (Mo) / Molybdenum (Mo)	37.5	µg/100g	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
17	LS Phospho tổng (*) / Total Phosphorus (*)	266	mg/100g	-	AOAC 995.11
18	LS Thiếc (Sn) / Tin (Sn)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.03	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013 AOAC 999.11)
19	LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
20	LS Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
21	LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
22	LS Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
23	LS Vitamin A (Retinol) (*) / Vitamin A (Retinol) (*)	0.20	mg/100g	-	TS-KT-SK-30:2018
24	LS Vitamin B ₁ (Thiamine) (*) / Vitamin B ₁ (Thiamine) (*)	0.65	mg/100g	-	TS-KT-SK-33:2018
25	LS Vitamin B ₁₂ / Vitamin B ₁₂	2.12	µg/100g	-	TS-KT-SK-116:2020
26	LS Vitamin B ₂ (*) / Riboflavin B ₂ (*)	0.33	mg/100g	-	TS-KT-SK-34:2019 (Ref. TCVN 8975:2011)
27	LS Vitamin B ₃ (Tổng Nicotinic acid và Nicotinamide) / Vitamin B ₃ (Sums of Nicotinic acid and Nicotinamide)	6.25	mg/100g	-	TS-KT-SK-35:2019 (Ref. TCVN 9045:2012)

3142128
CÔNG
TY
KHOA
HỌC
TSL
TH PHỐ

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4220400805-5

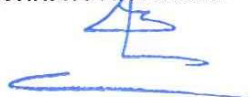
Trang/ Page No: 3/3

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
28	LS Vitamin B ₅ (Acid pantothenic) / Vitamin B ₅ (Acid pantothenic)	2.46	mg/100g	-	TS-KT-SK-47:2018
29	LS Vitamin B ₆ (Tổng Pyridoxine, Pyridoxal và Pyridoxamine) (*) / Vitamin B ₆ (Sums of Pyridoxine, Pyridoxal and Pyridoxamine) (*)	2.05	mg/100g	-	TS-KT-SK-36:2018
30	LS Vitamin B ₇ (Biotin) / Vitamin B ₇ (Biotin)	14.5	µg/100g	-	TS-KT-SK-53:2018
31	LS Vitamin B ₉ (Acid folic) / Vitamin B ₉ (Acid folic)	231	µg/100g	-	TS-KT-SK-47:2018
32	LS Vitamin C (Ascorbic acid) (*) / Vitamin C (Ascorbic acid) (*)	14.5	mg/100g	-	TS-KT-SK-32:2019 (Ref. TCVN 8977:2011, AOAC 2012.21)
33	LS Vitamin D ₃ (Cholecalciferol) / Vitamin D ₃ (Cholecalciferol)	0.52	mg/100g	-	TS-KT-SK-51:2018
34	LS Vitamin E (DL-alpha-tocopherol) (*) / Vitamin E (DL-alpha-tocopherol) (*)	8.32	mg/100g	-	TS-KT-SK-31:2018
35	LS Enterobacteriaceae (*) / Enterobacteriaceae (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	-	ISO 21528-2:2017
36	LS Staphylococci dương tính với coagulase (*) / Coagulase-positive staphylococci (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999, AMD1:2003)
37	LS Listeria monocytogenes (*) / Listeria monocytogenes (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	ISO 11290-2:2017
38	LS Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)

Chú thích/ Remarks:

- 1.(.): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor. 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04